

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
(Áp dụng từ Khóa 2021)

Chuyên ngành: **LÂM HỌC**
(SILVICULTURE)

Mã số: **8.62.02.01**

(Ban hành kèm theo quyết định số 3442 /QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22 tháng 12 năm 2021)

1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu cần thiết đồng thời tạo dựng các kỹ năng “mềm” cho học viên. Mục tiêu của chương trình là sau khi tốt nghiệp, các Thạc sĩ có năng lực tự nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu, có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc tiến sĩ; có khả năng công tác tại các trường đại học và viện nghiên cứu, có khả năng tham gia các dự án chuyên ngành; có khả năng tiếp cận một cách khoa học đối với các vấn đề mới của chuyên ngành; có năng lực giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo các nhà nhân học chuyên nghiệp có trình độ thạc sĩ có khả năng đảm nhiệm các nhóm công việc sau:

- Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin một cách khoa học các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Lâm nghiệp như: Phân tích được các đặc điểm về động thái và cấu trúc của rừng nhiệt đới; Nghiên cứu thực nghiệm và ứng dụng trong lĩnh vực lâm sinh học.

- Có kỹ năng truyền đạt và tham gia công tác giảng dạy, tổ chức thảo luận các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Lâm nghiệp

- Có khả năng tổ chức, quản trị quản lý các hoạt động nghề nghiệp chuyên môn trong lĩnh vực Lâm nghiệp như Lập kế hoạch quản lý và phát triển rừng bền vững.

2. CHUẨN ĐẦU RA

Thực hiện theo quyết định 1982/QĐ-TTg về Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (60 tín chỉ)

3.1. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng gồm ba phần: Học phần kiến thức chung (5TC), Học phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành (48TC), Học phần tốt nghiệp (7TC). Tổng số tín chỉ tích lũy phải đạt: tối thiểu 60 tín chỉ

Phần kiến thức chung (5 tín chỉ):

- Triết học: 3TC

- Phương pháp luận NCKH: 2 TC

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành (48 tín chỉ)

- Học phần bắt buộc (28 tín chỉ)

- Học phần tự chọn (tối thiểu đạt 20 tín chỉ)

Học phần tốt nghiệp: đồ án (7 tín chỉ)

3.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đầy đủ số tín chỉ (TC) theo yêu cầu, Chứng chỉ Anh văn qui định;



- Hoàn tất luận văn thạc sĩ và bảo vệ thành công trước Hội đồng đánh giá luận văn với kết quả tối thiểu là đạt điểm 5.5/10.

3.3. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

STT	Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ (LT,TH)	Thời điểm học
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG		(5)	
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3 (3, 0)	HK1
2	REME801	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	2 (2, 0)	HK1
II	HỌC PHẦN BẮT BUỘC		(28)	
1	SILV802	Rừng nhiệt đới (Tropical Forests)	2 (2, 0)	HK1
2	SILV803	Mô hình hóa trong lâm nghiệp (Forest Modeling)	2 (2, 0)	HK1
3	SILV804	Phương thức lâm sinh nhiệt đới (Tropical Silvicultural Practices)	2 (2, 0)	HK1
4	SILV805	Sinh thái rừng trồng nhiệt đới (Tropical Forest Plantation Ecology)	2 (2, 0)	HK1
5	SILV806	Sinh thái cảnh quan (Landscape Ecology)	2 (2, 0)	HK1
6	SILV807	Năng suất và sản lượng rừng (Forest Yield and Production)	2 (2, 0)	HK1
7	SILV808	Quản lý rừng bền vững (Sustainable Forest Management)	2 (2, 0)	HK1
8	SILV809	Xói mòn và bảo tồn đất (Soil Erosion and Conservation)	2 (2, 0)	HK1
9	SILV810	GIS trong quản lý tài nguyên rừng (GIS in Forest Resource Management)	2 (2, 0)	HK1
10	SILV824	Phương pháp viết báo cáo khoa học (Research Report Writing Methodology)	2 (2, 0)	HK1
11	SILV812	Đa dạng sinh học rừng (Forest Biodiversity)	2 (2, 0)	HK2
12	SILV818	Đánh giá tác động môi trường và xã hội trong lâm nghiệp (Environmental and Social Impact Assessment in Forestry)	2 (2, 0)	HK2
13	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Bảo vệ đề cương) (Proposal defense)	2 (2, 0)	HK1
14	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Báo cáo kết quả cơ sở) (Internal thesis defense)	2 (2, 0)	
III	HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Đạt tối thiểu 20 tín chỉ)		(20/30)	
1	SILV811	Công nghệ sinh học giống cây rừng (Biotechnology in Forest Tree Breedings)	2 (2, 0)	HK2
2	SILV813	Hệ thống nông lâm kết hợp (Agroforestry Systems)	2 (2, 0)	HK2
3	SILV814	Điều chế rừng (Forest Planning)	2 (2, 0)	HK2
4	SILV815	Viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng (Remote Sensing in Forest Resource Management)	2 (2, 0)	HK2
5	SILV816	Phương thức lâm sinh rừng chuyên khoa (Silviculture techniques in speciality forest trade)	2 (2, 0)	HK2

6	SILV817	Định giá rừng (Forest Valuation)	2 (2, 0)	HK2
7	SILV819	Tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia (Participatory Research Methodology)	2 (2, 0)	HK2
8	SILV820	Phân tích chính sách lâm nghiệp (Forest Policy Analysis)	2 (2, 0)	HK2
9	SILV821	Quản lý dự án lâm nghiệp (Forestry Project Management)	2 (2, 0)	HK2
10	SILV822	Biến đổi khí hậu và Redd+ (Climate Change and REDD+)	2 (2, 0)	HK2
11	SILV823	Phân loại lập địa (Site Classification)	2 (2, 0)	HK2
12	SILV825	Điều tra và giám sát carbon rừng (Monitoring and Measurement CO2)	2 (2, 0)	HK2
13	SILV826	Quy hoạch Du lịch sinh thái (Ecotourism Planning)	2 (2, 0)	HK2
14	SILV827	Sức khỏe rừng (Forest Health)	2 (2, 0)	HK2
15	SILV828	Quản lý cây xanh đô thị (Urban Tree Management)	2 (2, 0)	HK2
IV	HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP		(7)	
1	THES899	Đề án Tốt nghiệp (Thesis)	7	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2021



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng